

SỰ TIẾN HÓA TRONG CHÍNH SÁCH VIỆT NAM CỦA AUSTRALIA (từ sau 1945)

Đỗ Thị Hạnh

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: Quan hệ giữa Việt Nam và Australia ngày càng thể hiện tính lợi ích, xuất phát từ nhu cầu và khả năng của cả hai phía. Cùng nằm trong lòng chảo Thái Bình Dương, tiềm năng tốt đẹp của mối quan hệ này còn rất lớn trong một thế giới đang gia tăng tính hội nhập, liên kết khu vực và quốc tế.

Để mối quan hệ thực sự mang tính lợi ích, phát huy được cao nhất tiềm năng của cả hai phía phụ thuộc vào nhiều nhân tố, trong đó, việc nhìn nhận và đánh giá toàn diện một cách khoa học tiến trình lịch sử quan hệ là hết sức cần thiết.

Chính sách Việt Nam của Australia được bắt đầu từ bao giờ, trải qua những chặng đường lịch sử lớn nào và theo đó, có quá trình tiến hóa ra sao..., đó là nội dung chính của bài viết này. Chính sách của Việt Nam đối với Australia phải bắt đầu từ việc đánh giá đúng chính sách của Australia đối với Việt Nam, từ nhận thức đầy đủ về vị thế đến những lợi ích và cách thức để khai thác lợi ích mà Việt Nam có thể tìm được trong quan hệ với quốc gia lớn nhất vùng Nam Thái Bình Dương này...

Từ khóa: Australia; quan hệ Việt Nam – Australia; chính sách Việt Nam của Australia; lịch sử Australia.

1. Chính sách Việt Nam của Australia – Những cột mốc chính

Có những lý do để Australia hầu như không có bất kỳ nhận thức, sự quan tâm hay dính líu nào đến Việt Nam kể từ khi Liên bang được thành lập (1901) cho đến đầu thập niên 60, thế kỷ XX.

Thứ nhất, cần phải đề cập đến mối quan hệ lạnh nhạt, nghi kỵ của Australia với châu Á nói chung suốt một thời kỳ dài. Cho đến trước khi được người Hà lan khám phá ra (1606), lục địa Australia trong vài chục ngàn năm chỉ có những bộ lạc thổ dân được cho là có nguồn gốc Nam Á/ Đông Nam Á cư trú. Bước ngoặt lịch sử được đánh dấu bằng ngày 26/1/1788, khi năm chiếc tàu do thuyền trưởng Arthur Phillip

Bắt đầu từ một nhận thức mơ hồ, xa lạ: chỉ huy chở hơn 1000 người Anh da trắng, chủ yếu là tù nhân, đổ bộ lên lục địa, đặt những tiền đề đầu tiên cho sự ra đời của một quốc gia của người châu Âu nằm liền kề châu Á - tạo ra hoàn cảnh đưa đến cảm giác khó xử, xa lạ của những người da trắng ở lục địa này với các quốc gia – dân tộc da màu ở châu Á một thời kỳ lâu dài sau đó, hình thành một nghịch lý mà sau này người Australia diễn đạt bằng khái niệm về “tính lưỡng phân về bản sắc”(the dilemma of identity) dân tộc/quốc gia của họ trong quan hệ với châu Á. Khởi đầu cho sự xuất hiện cảm giác xa lạ, khó xử và dần đi đến sự cảnh giác, thù ghét người châu Á là những

sự kiện diễn ra trong thời kỳ vàng được tìm thấy (1851) ở lục địa này và phát triển trong bối cảnh của cuộc vận động thành lập Liên bang Australia vào những thập niên cuối thế kỷ 19. “Cơn sốt vàng” đã lôi cuốn không chỉ người da trắng mà cả dòng người đông đảo từ châu Á – chủ yếu là người Trung Hoa đến các khu khai thác vàng ở Victoria và New South Wales. Cạnh tranh về giá cả sức lao động tại các khu đào vàng (lao động người Hoa luôn được chủ ưu tiên thuê vì họ chấp nhận thù lao thấp hơn nhiều so với các lao động da trắng) cùng với những khác biệt về chủng tộc - văn hóa giữa hai cộng đồng da trắng – da vàng này đã đưa đến những cuộc đụng độ, thậm chí dẫn đến bạo động, thảm sát giữa họ. Từ đây dần hình thành tâm lý ác cảm, thù ghét, lo sợ của tuyệt đại đa số cư dân da trắng đối với người Trung Hoa và vấn đề chống lao động da màu – Trung Hoa đã can dự vào tiến trình chính trị của lịch sử lục địa Australia trong thời kỳ hình thành và chín muồi nhân tố cho cuộc vận động thành lập Liên bang độc lập. Hầu hết cư dân da trắng đã đồng lòng cho mục tiêu xây dựng Liên bang tương lai trở thành một quốc gia chỉ dành cho cộng đồng người Anh và họ đã tiếp tục duy trì, nuôi dưỡng những xúc cảm xấu về những người châu Á láng giềng bằng chính sách “Nước Úc trắng”(The White Australia Policy) rất nổi tiếng sau này.

Một khía cạnh khác để làm rõ hơn sự ác cảm, nghi kỵ, phòng ngừa của Australia đối với châu Á từ khi Liên bang ra đời, đó là nhận thức của quốc gia này về phương diện an ninh - phòng thủ. Australia là một đất nước với đặc thù địa lý có một không hai trên thế giới - một quốc gia chiếm cả một lục địa rộng hơn 7,6 triệu km², bờ biển dài hơn 36 ngàn km², dân số ít - tuyệt đại là người da

trắng gốc châu Âu ngay cả tính đến thời điểm hiện nay (khoảng 22 triệu, năm 2011) sống tập trung chủ yếu ở phần phía đông của lục địa, còn phần phía tây, nơi tiếp giáp với các vùng lãnh thổ và cư dân đông đúc Đông Nam Á/châu Á hầu như bỏ trống hoặc dân cư thưa thớt. Nhận thức về an ninh, phòng thủ của cả dân chúng và các chính phủ Australia suốt một thời kỳ dài từ khi Liên bang ra đời được dựa trên đặc thù về địa lý, về chủng tộc – văn hóa kết hợp với mối ác cảm, nghi kỵ, sợ hãi trước cộng đồng quốc gia – dân tộc châu Á láng giềng đông đúc với những khác biệt quá lớn về văn hóa, chủng tộc...với Australia. Trên cơ sở này, đã tồn tại phổ biến cái quan niệm rằng: Australia không thể tự phòng thủ được và tất yếu phải trông chờ vào sự bảo hộ của các thế lực bên ngoài gần gũi với Australia về chủng tộc/văn hóa/lịch sử. Tóm lại, trong lúc về địa lý, lục địa Australia thực tế nằm ở Thái bình dương, rất gần gũi với khu vực láng giềng châu Á (nếu so với Mỹ cũng là một quốc gia Thái bình dương song lại nằm xa tít bờ bên kia của đại dương này) thì cội nguồn về chủng tộc, văn hóa và lịch sử lại đưa họ đến nhận thức muốn chối bỏ, quay lưng với thực tế địa lý, tự xem mình là một phần của “mẫu quốc” Anh, tự nhận mình là “tiền đồn của châu Âu nằm ở châu Á”, đưa đến tình trạng “*lưỡng phân về bản sắc*” của họ và để lại những hậu quả không nhỏ trong quan hệ của Australia với các láng giềng châu Á, trong đó có Việt Nam.

Một trong những chính sách và hậu quả điển hình của tình trạng có tính nghịch lý này là chính sách “Nước Úc trắng”, cụ thể là những nội dung liên quan đến chính sách nhập cư của

Australia. Được thực hiện ngay khi Liên bang thành lập (1901) chính sách này cho thấy chỉ ưu tiên cho cư dân gốc Âu da trắng – tuyệt đại đa số đến từ quần đảo Anh, và tìm cách ngăn chặn quyết liệt các cư dân da màu (người châu Á - chủ yếu là người Trung Quốc và một phần các cư dân da đen ở các đảo Nam Thái Bình Dương) đến Australia. Ngay cả khi chính phủ Australia bắt đầu có sự thay đổi về “tư duy dân số” sau 1945 (cần lưu ý rằng sự phát triển của Australia phụ thuộc rất nhiều vào nguồn nhân lực nhập cư) thì chính sách nhập cư của quốc gia này cũng chỉ mở rộng cho các cư dân gốc Đông Nam Âu và việc ngăn chặn người châu Á chỉ có dấu hiệu nói lỏng từ thập niên 50 trở đi. Trong bối cảnh và điều kiện như thế, chẳng có cơ sở nào để Australia nhận thấy cần thiết lập quan hệ với Việt Nam, kể cả khi nước Việt Nam độc lập đã ra đời (1945), trừ khi xuất hiện từ đó mỗi nguy cơ đe dọa trực tiếp lợi ích quốc gia của Australia như thực tế diễn ra vào đầu thập niên 60 sau này.

Thứ hai, cho đến khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, chính sách và quan hệ đối ngoại của Australia gắn bó và phần nào bị kiểm tỏa, phụ thuộc vào Anh, thậm chí, đến mức mà một số học giả cho rằng Australia hầu như không có chính sách đối ngoại của chính mình. Trong khi đó, việc Đông Dương thuộc Pháp, một mặt, đã đưa đến sự khác biệt khá lớn về văn hóa và thể chế chính trị với Australia, mặt khác, mối quan hệ luôn kinh địch giữa thực dân Anh và Pháp nhất định đã có ảnh hưởng đến Australia trong điều kiện chính sách đối ngoại của Australia thời kỳ này gần như bị Anh chi phối và dẫn dắt. Chính những điều này càng đẩy xa điều kiện, bối cảnh để Australia quan tâm đến vùng đất Đông Dương mà cho đến tận

năm 1954 mới hoàn toàn thoát khỏi ách thống trị của thực dân Pháp.

Nói tóm lại, trong bối cảnh như trên, bức tranh tổng thể về chính sách, quan hệ của Australia đối với châu Á về cơ bản là lạnh nhạt, xa lạ, nghi kỵ hoặc các quan hệ (nếu có) đều ở tầm mức rất thấp. Song, sắc thái cũng như mức độ “đậm nhạt” giữa các khu vực, vùng đất có khác nhau và sự so sánh có thể cho thấy rất rõ rằng Đông Dương chính là phần “mờ nhạt” nhất trong bức tranh này. Trong nhận thức của Australia, rõ ràng Trung Quốc và Nhật Bản đều có những “vị thế” nhất định, chủ yếu từ ký ức chưa phai của dân Australia về “đại dịch vàng”(yellow peril – cách gọi miệt thị của những người da trắng đối với những lao động người Hoa) từ thời kỳ “Cơn sốt vàng” những năm 50 của thế kỷ 19, và gần hơn là sự hoảng sợ của Australia đối với chủ nghĩa quân phiệt Nhật thời kỳ chiến tranh Thái bình dương; còn Indonesia lại luôn là mối quan tâm lo ngại sâu sắc do vị trí tiếp giáp, liền kề của nó với lãnh thổ Australia và các nguy cơ cho an ninh - phòng thủ của Australia rõ ràng trực tiếp nhất chính là từ các đảo phía Đông của Indonesia. Do vậy mà, ngay từ cuối Chiến tranh thế giới thứ hai cho đến tận ngày nay, xét trên tổng thể, Indonesia luôn là mối quan tâm hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Australia. Mối quan hệ của Australia với các vùng đất, quốc gia còn lại như Malaysia, Myanmar...về cơ bản cũng lỏng lẻo, không thân thiện song dù sao cũng đều là những thành viên trong khối Liên hiệp Anh, hoặc trong Tổ chức hiệp ước Đông Nam Á - SEATO(1955) như trường của Thailand và

Philippin, với Australia. Đông Dương, trong đó có Việt Nam rõ ràng không nằm trong mối quan tâm, lo ngại, nghi kỵ hay dính líu của Australia như các thực thể chính trị trên theo cả cách này hay cách kia.

Thứ ba, liên quan đến nhận thức của Australia về Việt Nam trong bối cảnh thế giới và khu vực sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Ở Đông Dương, chủ nghĩa thực dân Pháp đang vào thời kỳ “giấy chết”, nhà nước độc lập Việt Nam ra đời và không ngừng khẳng định ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập non trẻ trong sự ủng hộ của các quốc gia, lực lượng tiến bộ và đặc biệt là các nước XHCN. Trong lúc này, trên thế giới và ở châu Á đang ngày càng gia tăng sự căng thẳng của bầu không khí Chiến tranh lạnh khiến cho Đông Dương trở thành mối bận tâm không nhỏ với Mỹ và các đồng minh do vị trí bán đảo này nằm ngay sát nách Trung Quốc, và đặc biệt là do những ảnh hưởng vang dội của chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) đối với khu vực và thế giới. Tuy nhiên, tình hình đó cũng vẫn chưa đủ sức “khuấy động” hơn nữa sự quan tâm của Australia đối với Đông Dương. So với các nước trong hệ thống tư bản, nhận thức và thái độ của Australia đối với các diễn biến của phong trào dân tộc chủ nghĩa đang dâng cao ở khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai có cả điểm tương đồng lẫn khác biệt nhất định. Là một quốc gia tư bản phương Tây nhưng gần như không có thuộc địa, do vậy Australia không có nỗi lo sợ như các thế lực đế quốc, thực dân khác trước thành quả to lớn, ngoạn mục của cao trào dân tộc ở khu vực Đông Dương trong những năm 40, 50. Hơn thế nữa, ở một mức độ nào đó, như là hệ quả của lịch sử một quốc gia cũng từng trải qua thời kỳ thuộc địa, chính phủ và đặc biệt là dân

chúng Australia còn có cảm tình với cuộc đấu tranh chống thực dân, giành độc lập của các dân tộc nhỏ bé, chịu nhiều thua thiệt như ở Đông Dương. Song, nhìn từ góc độ khác, không nên quên rằng, việc cho đến hết thập niên 50, trong số các quốc gia Đông Nam Á thì sự hiểu biết và quan tâm của Australia về Việt Nam là thấp nhất cũng còn do, từ 1945 trở đi, Bắc Việt Nam là một chính phủ cộng sản và “vì lẽ đó, một cách tự nhiên, bị (Australia – người viết) nhìn nhận với sự ngờ vực”¹. Trong khi đó, phần lớn các trường hợp còn lại ở Đông Nam Á, chính quyền sau thuộc địa đều được chuyển giao cho các chính phủ không cộng sản, tạo điều kiện để Australia dễ dàng thiết lập các quan hệ hơn (dù chỉ ở mức thấp). Một ví dụ để minh chứng cho lực cản mang màu sắc chính trị này đó là, phải đến năm 1973 Australia mới thiết lập quan hệ chính thức với Việt Nam DCCH thì ngay từ năm 1951 quốc gia này đã có quan hệ ngoại giao chính thức với Lào. Song, cũng cần phải lưu ý rằng, cho đến hết thập niên 50, tư duy Chiến tranh lạnh mới chỉ khiến Australia thêm lý do tiếp tục duy trì thái độ xa lạ, lạnh nhạt vốn có với Việt Nam mà chưa chuyển biến thành sự quan tâm đặc biệt và đặt Việt Nam trong tâm điểm lo lắng vì liên quan trực tiếp đến lợi ích quốc gia của mình.

Tóm lại, trong 20 năm suốt từ 1945 – thời điểm nước Việt Nam DCCH ra đời cho đến đầu những năm 60 - khi xuất hiện các điều kiện, nhân tố để Australia phải đặc biệt quan

¹ Evan, Gareth, 1989, *Indochina and foreign policy*, at the Footscray Institute of Technology, Melbourne, The Monthly Record August, p.402.

tâm đến dải đất này, có thể thấy rằng, chính phủ Australia đã *“không thực sự có một chính sách về Đông Dương, không thực sự có những hiểu biết về những gì đang diễn ra ở bán đảo này, và không nhận thấy Australia có lợi ích quốc gia trực tiếp hay có giá trị nào ở vùng đất này của thế giới”*².

Chính sách can thiệp quân sự vào Việt Nam (1965 – 1973)

Bước ngoặt đưa đến sự thay đổi căn bản nhận thức của Australia về Việt Nam diễn ra trong bối cảnh hình thành cục diện và sự căng thẳng ngày càng gia tăng xoay quanh Chiến tranh lạnh ở châu Á, cụ thể là những diễn biến liên quan đến nhận thức và âm mưu của Mỹ ở Nam Việt Nam đầu những năm 60. Khi Mỹ tung ra Học thuyết Domino và dần đi đến biện pháp can thiệp quân sự nhằm ngăn chặn sự lan tràn của chủ nghĩa cộng sản ở châu Á, Australia đã hưởng ứng rất nhiệt tình. Thoạt nhìn, việc Australia quyết định đưa quân đội chiến đấu đến Nam Việt Nam dường như là kết quả của quan hệ đồng minh thân thiết, và có phần phụ thuộc của quốc gia này với Mỹ. Điều này không sai, song chưa đủ và chưa phải là nguyên nhân chính yếu, mà trước hết là từ gốc rễ tư tưởng của Australia luôn xem châu Á là khu vực tiềm ẩn những nguy cơ đối với lợi ích an ninh – phòng thủ của mình. Mỗi nguy cơ này, trong sự chi phối, quy định của bối cảnh và bản chất Chiến tranh lạnh chính là chủ nghĩa cộng sản Trung Quốc và (Bắc) Việt Nam với tư cách là đồng minh tay sai hay “con rối” của Trung Cộng, theo nhận định của Australia lúc bấy giờ. Như vậy, ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản và ủng hộ đồng minh Mỹ trong cuộc chiến ở Việt Nam chỉ là một phần nổi

của nguyên nhân tham chiến của Australia, còn nguyên nhân cốt lõi xuất phát từ nhu cầu bảo vệ an ninh – phòng thủ quốc gia của Australia. Trong bối cảnh và cục diện của Chiến tranh lạnh ở châu Á, Australia hình dung thế trận domino trong phạm vi không gian từ Đông Nam Á đến lục địa Australia như sau: Nam Việt Nam là quân domino đầu tiên của “ván cờ” này, còn Australia là quân sau chót, nếu quân cờ đầu tiên rơi vào sự kiểm soát của cộng sản Trung Quốc ắt sẽ diễn ra sự sụp đổ hàng loạt các quân cờ còn lại. Đó sẽ là điều kinh hãi với cả cư dân lẫn chính giới Australia – đất nước đã nuôi dưỡng trong hàng trăm năm cái tâm lý thù ghét, ác cảm với người châu Á và đã có hơn nửa thế kỷ thực thi chính sách “Nước Úc trắng” nặng tính phân biệt, kỳ thị với người da vàng. Trong tuyên bố tham chiến chính thức ở Việt Nam ngày 29/4/1965, thủ tướng Australia Menzies nêu rõ: *“Việc cộng sản tiếp quản Nam Việt Nam sẽ là mối đe dọa quân sự trực tiếp đối với Australia và tất cả các nước Nam và Đông Nam Á. Việc đó phải được xem là một phần của cuộc tấn công của Trung cộng vào khu vực giữa Thái Bình Dương và Ấn độ dương”*³. Rõ ràng, so với các đồng minh khác của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam, Australia là quốc gia tham chiến với mục đích phòng vệ thực chất nhất, trong khi Hàn Quốc hay Philippin nặng về mục đích tìm kiếm viện trợ từ Mỹ, còn Thailand thiên về sự

² Như trên, Sdd, p.401.

³ *Vietnam: Recent statements of Australian policy*, Issued under the Authority of the Minister for External Affairs, Paul Hasluck, 11/1965.

ủng hộ (có phần miễn cưỡng) cho chiến lược “Thêm cờ” của Mỹ...Dù chẳng có vai trò quan trọng về chiến lược hay lực lượng quân sự đối với tổng thể cuộc chiến (so với Mỹ), nhưng chiến tranh Việt Nam lại có nhiều ý nghĩa rất đặc biệt và sâu sắc đối với Australia. Cuộc chiến đánh dấu một sự chuyển biến lớn trong nhận thức của Australia rằng, Việt Nam không còn là vùng đất mà Australia “không có lợi ích quốc gia trực tiếp hay có giá trị nào...”, ngược lại, là nơi có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với an ninh – phòng thủ quốc gia mà vì thế Australia phải đưa 50 ngàn lượt con em của mình đến đó trực tiếp chiến đấu để bảo vệ quốc gia, 500 trong số này đã thiệt mạng, chi phí cho chiến tranh gần nửa tỷ dollar. Phải sau gần một thập niên, từ 1965 đến 1973 - là cuộc chiến dài nhất trong toàn bộ lịch sử quốc gia này, kể cả so với hai cuộc đại chiến thế giới trước đó Liên bang đã từng tham dự, Australia mới rút hết toàn bộ lực lượng quân sự về nước. Như vậy, Australia chỉ thực sự bắt đầu có chính sách đối với Việt Nam được hình thành trong khung cảnh của thời kỳ Chiến tranh lạnh, nhưng trực tiếp nhất là giai đoạn bùng nổ chiến tranh ở Việt Nam của Mỹ đầu thập niên 60. Như là hệ quả của những hoàn cảnh, nguyên nhân, yếu tố đã phân tích, chính sách đầu tiên của Australia đối với Việt Nam (DCCCH) cũng đồng thời là chính sách thù địch, can thiệp quân sự. Việc Australia bắt đầu nhận thức tầm quan trọng của Việt Nam đối với lợi ích quốc gia của mình, một mặt, được coi là bước ngoặt so với nhận thức mờ nhạt và thái độ thờ ơ, xa lạ trong thời kỳ trước đó, thì cũng đồng thời, chính sách này lại mở đầu một giai đoạn sai lầm, tai hại cho chính Australia với quyết định tham chiến ở Việt Nam. Chính sách can thiệp thù địch

này của Australia chỉ thực sự bị thay thế vào đầu những năm 70, trong bối cảnh diễn ra rất nhiều những biến chuyển sâu sắc trong tình hình thế giới và khu vực cũng như của chính Liên bang Australia.

Chính sách cùng tồn tại hòa bình những năm 70, 80:

Trong lịch sử đối ngoại của Australia, thời điểm 1973 được coi là một cột mốc quan trọng có ý nghĩa như là “đường phân thủy” để chỉ những thay đổi sâu sắc đồng thời là một bước tiến hóa lớn trên con đường đi đến một nền ngoại giao ngày càng độc lập và gia tăng tính lợi ích thực sự của quốc gia này. Một điều đáng lưu ý là, nội dung và lịch sử tiến hóa của chính sách đối ngoại của Australia luôn gắn liền với các quan hệ của quốc gia này ở khu vực châu Á, hay nói cách khác, châu Á chính là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự thay đổi, vận động của chính sách đối ngoại của Australia. Đối với bước ngoặt lịch sử thời điểm 1973 của Australia, có thể thấy, “nhân tố” Việt Nam có một vai trò nhất định đối với sự thay đổi sâu sắc này và ngược lại, chính sách Việt Nam của Australia từ năm 1973 trở đi cũng có những điều chỉnh/ thay đổi căn bản như là hệ quả của chính bước ngoặt lớn đó.

Môi trường thế giới và khu vực đầu thập niên 70 từ sau Học thuyết Nixon và đặc biệt là sau sự kiện bình thường hóa quan hệ Trung – Mỹ, cục diện sa lầy và đi đến thất bại phải rút quân sau Hiệp định Paris của Mỹ và đồng minh trong chiến tranh Việt Nam, sự trỗi dậy về kinh tế của nhiều quốc gia Đông Á và Đông Nam Á khiến khu vực châu Á – TBD ngày càng có ý nghĩa đối với nền kinh tế thế giới và

các quốc gia trong khu vực...là cảnh quan chung đã tác động đến những điều chỉnh đường lối và chính sách đối ngoại nói chung và chính sách Việt Nam nói riêng của Australia. Trong các nhân tố này, sự phát triển của một số nền kinh tế khu vực châu Á và những bài học rút ra từ chiến tranh Việt Nam là có ý nghĩa quan trọng hơn cả. Sự thành công của các nền kinh tế như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Singapore, Philippin...từ cuối thập niên 60, đầu 70 khiến cho các quan hệ kinh tế của Australia với với các đối tác châu Á - TBD ngày càng gia tăng, dần thay thế các đối tác châu Âu và Mỹ vốn có vai trò thống trị trước đó. Song, việc thúc đẩy hơn nữa sự phát triển các quan hệ kinh tế này vấp phải nhiều rào cản, đặc biệt là từ nhận thức có tính cố hữu của Australia về châu Á – nơi mà Australia luôn nuôi dưỡng một thứ tình cảm sợ hãi, xa lạ, dè chừng. Như đã phân tích, nguồn cơn chủ yếu dẫn đến việc Australia quyết định đưa quân vào Việt Nam chính là từ nhận thức có phần sai lệch này và đưa đến những hậu quả, bài học nặng nề, sâu sắc cho Australia. Song, cũng chính vì vậy, một cách logic, sự thay đổi, điều chỉnh nhận thức của Australia về châu Á cũng như Việt Nam đã diễn ra dưới tác động khá lớn của những bài học được Australia rút ra từ chiến tranh Việt Nam. Chính Australia đã nhận ra sự sai lầm trong nhận thức khi đặt Việt Nam vào thế kẻ thù nghịch với lợi ích của mình, có phần hoang tưởng khi hình dung ra viễn ảnh Việt Nam – theo sự giật dây của Trung Quốc, có thể đe dọa trực tiếp lợi ích an ninh – phòng thủ của Australia và do vậy đã quyết định đưa quân vào dải đất nhỏ bé, vô tội này theo cái gọi là chính sách “Phòng thủ từ xa” (Forward Defence) nhằm ngăn ngừa, triệt tiêu mối đe dọa

(tưởng tượng) đó. Từ bài học cay đắng tại Việt Nam, trong bối cảnh của nhiều biến động bên ngoài và bên trong, đã đến lúc Australia phải nhận thức lại về châu Á, rằng, đây không phải là nơi tiềm ẩn nguy cơ đe dọa như quan niệm cố hữu mà thực chất, khu vực này chứa đựng những lợi ích mà Australia có thể khai thác; phải nhận thức lại về thực trạng kéo dài của tư duy đối ngoại luôn đề cho tư duy an ninh – phòng thủ dẫn dắt và thống trị đưa đến hậu quả là chính sách đối ngoại của quốc gia này luôn bị phụ thuộc vào các nước lớn từ Anh đến Mỹ; và, phải nhận thức lại về những cách thức mà chính sách đối ngoại của Australia sẽ phải thực thi để xây dựng các quan hệ với châu Á nhằm đem lại lợi ích thật sự cho Australia mà để làm được điều đó, trước hết phải xóa bỏ hình ảnh một quốc gia xa lạ, ngạo mạn và phân biệt chủng tộc trong cái nhìn của châu Á về Australia cho đến thời điểm này. Tóm lại, “Đã đến lúc!”(It’s Time!), khẩu hiệu tranh cử này của Công đảng mang hàm nghĩa chính là đã đến thời điểm Australia phải có những thay đổi như thế vì lợi ích quốc gia và chính tư duy mới mẻ tiến bộ này đã giúp Công đảng dành được thắng lợi trong cuộc bầu cử tháng 12/1972. Thực tế cho thấy, sự khác biệt lớn trong đường lối và chính sách đối ngoại của Australia từ đầu thập niên 70 trở đi so với thời kỳ trước đó chính là sự gia tăng tính độc lập, tự chủ và đồng thời gia tăng tính “hướng Á”. Australia - bắt đầu từ chính phủ Công đảng của thủ tướng Whitlam, đã đẩy mạnh chính sách xây dựng một châu Á hòa bình, ổn định nhằm tạo môi trường thuận lợi cho việc thiết lập các quan hệ đa dạng, kể cả với những nước mà Australia

đã từng coi là thù địch, trực tiếp lấn tiếm ăn, nhằm đem lại lợi ích thực sự cho mình. Như là hệ quả, chính sách Việt Nam của Australia từ thời điểm này trở đi cũng đã có những thay đổi sâu sắc trong bối cảnh diễn ra những điều chỉnh lớn, căn bản nói trên. Tháng 2/1973, sau khi hoàn tất việc rút hết các nhân viên quân sự về nước, Australia đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam DCCCH và chính phủ CHXHCN Việt Nam sau khi đất nước này hoàn toàn độc lập và thống nhất. Các mặt quan hệ kinh tế, viện trợ của Australia với Việt Nam đã được khởi động, dù ở tầm mức thấp, song phản ánh một tính chất hòa bình, thân thiện và hợp tác trong quan hệ hai nước. Mỗi quan hệ này chỉ tạm thời bị gián đoạn (1979 – 1983) trong thời kỳ diễn ra cái gọi là “Vấn đề Campuchia”. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực vẫn còn bị chi phối bởi cục diện và tư duy Chiến tranh lạnh, Australia cũng như Mỹ và nhiều nước khác đều nhìn nhận sự kiện quân đội Việt Nam tiến vào thủ đô Phnom Penh (1/1979) có liên quan đến kế hoạch mở rộng ảnh hưởng của Liên Xô xuống khu vực Đông Nam Á. Song, chính là Australia đã cho thấy sự khác biệt với nhiều quốc gia trong “Vấn đề Campuchia”, khi sớm bày tỏ thái độ lên án bọn diệt chủng Khmer Đỏ và tuyên bố hủy bỏ quyết định thừa nhận chế độ Pol Pot (tháng 2/1981) và nhất là, ở một mức độ nhất định, sớm nhìn nhận tính chính nghĩa của Việt Nam trong các diễn biến ở Campuchia. Chính vì vậy, từ 1983 trở đi, Australia đã nối lại viện trợ cho Việt Nam, bắt chập việc phải đối mặt với sự tức tởm, lên án của các thế lực thù địch với Việt Nam, và đồng thời quốc gia này còn đóng góp một vai trò tích cực, hiệu quả trong việc giải quyết cuộc xung đột ở Campuchia bằng Hiệp định Paris

(10/1991). Tóm lại, dù có những thăng trầm nhất định và thực tế các quan hệ của Australia với Việt Nam từ khi quan hệ chính thức được thiết lập (1973) đến cuối thập niên 80 mới chỉ dừng lại ở tầm mức thấp, song xu thế là không đảo ngược, cho thấy quyết tâm của Australia là thực hiện một chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa hai quốc gia cùng sống trong một khu vực và có nhiều lợi ích cần phải tìm kiếm và chia sẻ - nhất là về phía Australia.

Vị thế Việt Nam trong chiến lược “Hội nhập châu Á” hiện nay của Australia

Chiến tranh lạnh tan rã, xu thế toàn cầu hóa/khu vực hóa trở thành chủ đạo trong tiến trình lịch sử trên thế giới cũng như tại khu vực châu Á – TBD đã hình thành một môi trường và cảnh quan mới cho việc định lại chính sách đối ngoại của mọi quốc gia, trong đó có Australia. Đáp ứng với yêu cầu của xu thế này, từ cuối những năm 80 trở đi Australia đã triển khai chiến lược Hội nhập châu Á một cách toàn diện nhằm đưa đất nước “trở thành một quốc gia châu Á – TBD thực thụ”. Chiến lược này của Australia đặc biệt coi trọng khu vực Đông Nam Á, do vị trí cực kỳ quan trọng đối với an ninh – phòng thủ cũng như tiềm năng to lớn đối với sự phát triển kinh tế Australia của khu vực này. Nhìn nhận Đông Nam Á có vai trò trung tâm, tiêu điểm cho chiến lược lớn của Australia, do vậy, khu vực này trở thành “viên đá thử vàng” đối với việc quốc gia này sẽ thành công hay thất bại trong vấn đề thích ứng với khu vực châu Á - các chính khách ngoại giao hàng đầu của Australia khẳng định. Việt Nam có vị thế quan trọng nhất định trong chính sách mới của Australia ở châu Á - TBD

và Đông Nam Á trước hết xuất phát từ *lợi ích địa – chính trị* khi Australia coi quốc gia này có tầm quan trọng đối với an ninh – phòng thủ của mình, đặc biệt là trong tình hình chính trị phức tạp, căng thẳng hiện nay ở khu vực biển Đông xuất phát từ tham vọng và lối hành xử mang nặng tính ích kỷ, bá quyền của Trung Quốc. Hơn thế nữa, tiềm năng to lớn về tài nguyên, kinh tế (thị trường xuất - nhập khẩu, đầu tư), nguồn nhân lực dồi dào...của Việt Nam đang ngày càng có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của Australia. Cũng cần phải nhấn mạnh rằng, xét về tổng thể thì Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng có tầm quan trọng với Australia hơn là ngược lại, chính vì vậy, Australia rất chủ động, tích cực xây dựng và triển khai các chính sách nhằm phát triển mạnh mẽ, toàn diện các quan hệ với Việt Nam trong một môi trường quốc tế và khu vực có nhiều biến đổi thuận lợi cho sự hợp tác cùng phát triển giữa các quốc gia.

2. Động lực tiến hóa trong chính sách Việt Nam của Australia

Nhận thức về lợi ích quốc gia

Australia chỉ thực sự có một chính sách với Việt Nam từ đầu thập niên 60 trở lại đây. Nhân tố quan trọng hàng đầu đưa đến sự khởi đầu cũng như đóng vai trò quan trọng tác động đến tiến trình vận động /tiến hóa của chính sách Việt Nam của Australia trong khoảng 50 năm qua trước hết là từ *nhận thức của Australia về lợi ích quốc gia* - nhân tố mang tính quy định, chi phối toàn bộ chính sách. Sự phân tích nhân tố này không thể tách rời bối cảnh và sự so sánh với sự hình thành và chuyển biến nhận thức của Australia về lợi ích quốc gia ở khu vực châu Á với ba giai đoạn căn bản: từ 1901 đến trước Chiến tranh Thái bình

ương (1941 – 1942); từ 1942 đến 1973; và, từ 1973 đến nay.

Ở giai đoạn đầu, Australia - do nhận thức cổ hủ về châu Á, đã không nhìn nhận một cách đúng đắn rằng, khu vực này thực chất chứa đựng những lợi ích cốt lõi của mình. Trong suốt giai đoạn này, Australia duy trì thái độ dè chừng, xa lạ và ác cảm với các quốc gia - dân tộc châu Á, về cơ bản xem đây là nơi tiềm ẩn những mối nguy cơ, hiểm họa cho lợi ích quốc gia của mình, và chính sách “Nước Úc trắng” là minh chứng rõ rệt, xác đáng nhất cho quan niệm, thái độ ứng xử này của Australia. Rõ ràng, nhận thức này cho thấy Australia khẳng khái chối bỏ vị trí địa lý thực tế của mình, kéo theo việc Australia chủ yếu thiết lập các quan hệ với châu Âu/nước Anh - những đối tác được xem là không đe dọa trực tiếp lợi ích an ninh – phòng thủ và gần gũi với Australia về chủng tộc, văn hóa, chính trị...Mặc dù thời gian này cũng đã diễn ra sự sụt giảm các quan hệ, ràng buộc thiên về châu Âu của Australia nhưng tốc độ chậm và không có sự đột biến. Việt Nam hầu như không tồn tại trong nhận thức của Australia về lợi ích quốc gia ở giai đoạn này, như đã phân tích.

Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương nổ ra đã tác động mạnh đến nhận thức của Australia. Sau khi nhanh chóng chiếm các thuộc địa của Anh, Pháp, Mỹ, quân đội Nhật đã di chuyển xuống phía nam và tiến sát lãnh thổ phía bắc của lục địa Australia, ném bom thành phố Darwin- thủ phủ của vùng Lãnh thổ phía bắc (North Territory) và lên kế hoạch đổ bộ vào nước Australia. Chưa bao giờ, kể từ khi lập quốc, Australia phải đối mặt với sự hiểm nguy

trực tiếp đến thế đối với an ninh lãnh thổ của mình và điều này đã tác động mạnh vào nhận thức của cả dân chúng lẫn chính phủ về vị trí địa lý thực tế của Australia. Chính phủ Curtin, trong sự ủng hộ mạnh mẽ của toàn thể dân chúng, đã có những quyết định nhanh chóng và không khỏi có phần đột ngột, thậm chí gây bất bình (với Anh) song, hoàn toàn chính xác trong tình thế cấp bách đó: tuyên bố giải phóng Australia ra khỏi sự phụ thuộc vào Anh về an ninh – phòng thủ, thay vào đó, thuyết phục Mỹ đồng ý bảo vệ Australia trước mối nguy hiểm hiện rơi vào tay Nhật; điều các sư đoàn chiến đấu của Liên bang từ chiến trường châu Âu trực tiếp về bảo vệ lãnh thổ Australia..., đó là những quyết định đúng đắn tránh cho Australia khỏi họa chiếm đóng của phát – xít Nhật, và đặt nền tảng cho một quan hệ đồng minh mới giữa Australia và Mỹ - một cường quốc châu Á – TBD. Một mặt, có thể coi đây là bước ngoặt trong nhận thức của Australia về khu vực châu Á – TBD, rằng thực tế lục địa Australia là chính là một phần của khu vực, do đó, lợi ích an ninh – phòng thủ của Australia là *nằm ở chính châu Á* chứ không phải ở châu Âu như quan niệm sai lầm trước đây. Kéo theo sự thay đổi nhận thức này, Australia coi trọng các quan hệ liên minh, đối tác giúp bảo vệ và củng cố lợi ích về an ninh – phòng thủ của quốc gia với trụ cột là quan hệ với Mỹ, và trong bối cảnh của Chiến tranh lạnh, là những quốc gia châu Á cùng hệ tư tưởng, cùng mặt trận chống chủ nghĩa cộng sản với Australia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines, Thailand...Song, mặt khác, bước tiến hóa này lại kéo theo nó những hậu quả, sai lầm kiểu khác, cho thấy nhận thức này chưa thực sự hoàn chỉnh, đúng đắn cần phải có. Nỗi ám ảnh về lợi ích an ninh của mình đã đưa

đến hệ quả Australia hầu như không quan tâm thúc đẩy mối quan hệ trên các phương diện khác như chính trị (đặc biệt là với các quốc gia khác biệt ý thức hệ với Australia), văn hóa và đặc biệt là kinh tế ở khu vực châu Á. Trường hợp Việt Nam, dù đến tận đầu những năm 60 Australia mới thực sự quan tâm đến vùng đất này, nhưng rõ ràng, chính sách thù địch, can thiệp quân sự của Australia đối với Việt Nam có liên quan đến sự thay đổi nhận thức trên đây. Nói một cách khác, *nhận thức về lợi ích quốc gia của Australia trong bối cảnh tình hình chính trị ở châu Á những năm 50, 60 chính là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự hình thành chính sách đầu tiên của Australia đối với Việt Nam*. Tiếc rằng, nhân dân và chính phủ Việt Nam (DCCCH) chắc chắn không muốn một sự khởi đầu như thế trong quan hệ hai nước và thực chất, đó là một chính sách sai lầm, theo cách nhìn nhận của chính Australia sau này.

Bước ngoặt đánh dấu sự thay đổi, điều chỉnh để đi đến một nhận thức về lợi ích quốc gia của Australia ở khu vực châu Á một cách đầy đủ, đúng đắn diễn ra vào đầu thập niên 70. Sự gia tăng thần kỳ sức mạnh kinh tế của châu Á – Nhật Bản, Hàn Quốc, Hong Kong, Đài Loan, Singapore, Philippines...là một động lực mạnh mẽ nhất thôi thúc Australia phải có những nhận thức mới về khu vực này. Đồng thời, thất bại nặng nề của Mỹ và các đồng minh trong chiến tranh Việt Nam đưa đến những bài học sâu sắc mà riêng đối với Australia, ở một ý nghĩa nào đó, mang tính cốt tử. Tóm lại, sau rất nhiều thập niên tồn tại, chính sách “Nước Úc trắng” với hàm nghĩa lớn đối với châu Á là

sự phân biệt chủng tộc, phản ánh cái nhìn đầy sự xa lạ, nghi kỵ, dè chừng, ẩn chứa một tâm lý hoảng sợ của người Australia trước cộng đồng châu Á láng giềng đông đúc, đã thực sự đến hồi khai tử. Tuy chỉ cầm quyền một nhiệm kỳ (1973 - 1975) nhưng thủ tướng G.Whitlam đã ghi dấu ấn vô cùng sâu sắc đối với tiến trình điều chỉnh nhận thức của Australia về lợi ích quốc gia mà đặc trưng nổi bật là Australia cần phải *gia tăng tính độc lập và tính hướng (châu) Á* trong nền chính trị Liên bang, đặc biệt là trong đường lối và chính sách đối ngoại. “Australia nhất thiết phải có sự gắn gũi về kinh tế với các nước láng giềng của nó tương ứng với sự gắn gũi về mặt địa lý. Điều này kéo theo việc, những ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Australia sẽ chủ yếu là kinh tế chứ không phải là quân sự nữa”⁴. Hàng loạt các chính sách, biện pháp và hoạt động của chính phủ Whitlam (và cả các chính phủ kế tiếp) thực thi ở châu Á từ sau thời điểm quan trọng này là hệ quả của nhận thức đúng đắn đó: thủ tiêu chính sách “Nước Úc trắng”, thay vào đó là chính sách Đa văn hóa(the Multiculturalism)tiến bộ, rộng mở, bình đẳng; rút toàn bộ quân ở Nam Việt Nam về nước và thiết lập quan hệ ngoại giao với các cựu thù như CHND Trung Hoa, Việt Nam DCHH...; và nhất là, Australia nhấn mạnh tầm quan trọng của khu vực châu Á – TBD như là trọng tâm chiến lược phát triển quốc gia, triển khai các quan hệ đa dạng, đa phương và đặc biệt là *phát triển các quan hệ hợp tác kinh tế*.

Các chính sách của Australia đối với Việt Nam cũng đã thay đổi sâu sắc có tính bước ngoặt

chính từ thời điểm này, chuyển từ chính sách thù địch, đối đầu quân sự sang chính sách cùng tồn tại hòa bình và về căn bản được các chính phủ Australia từ thời Whitlam duy trì suốt từ khi quan hệ chính thức được thiết lập cho đến ngày nay với mức độ ngày càng gia tăng tính lợi ích cho cả hai phía – hệ quả của các bước tiến hóa trong hành trình của Australia đi đến nhận thức thực sự đúng đắn, đầy đủ về lợi ích quốc gia của mình.

Gia tăng tính độc lập trong đường lối, chính sách và hoạt động đối ngoại:

Sự phụ thuộc của chính sách đối ngoại của Australia vào chính sách an ninh – phòng thủ và (kéo theo) vào các thể lực bên ngoài là một thực tế lịch sử lâu dài được chính Australia thừa nhận. Cốt lõi của sự phụ thuộc này xuất phát từ nhận thức có tính phổ biến ngay từ khi Liên bang ra đời về việc Australia không đủ khả năng tự phòng thủ đất nước và cần phải tìm kiếm sự bảo hộ từ bên ngoài. Suốt từ khi lập quốc (1901) cho đến thời điểm bùng nổ cuộc chiến tranh châu Á – TBD, Australia phụ thuộc gần như hoàn toàn vào Anh trong việc phòng thủ quốc gia và kéo theo là sự phụ thuộc trong chính sách và quan hệ đối ngoại. Sự chi phối và dẫn dắt của Anh đối với đường lối đối ngoại của Australia mạnh mẽ đến mức có thể nói, trong suốt thời kỳ này, Australia *gần như không có một chính sách đối ngoại thực thụ, của riêng mình*. Sự kiện Nhật Bản phát động cuộc chiến tranh ở châu Á thời điểm 1941-1942 đã có một tác động cực kỳ sâu sắc đối với Australia, đưa đến một bước ngoặt lớn trong nhận thức về vị trí địa lý thực tế và do vậy, lợi ích an ninh – phòng thủ của Australia

⁴ Whitlam E.Gough, 1979, *Australia and Asia*, The Flinders University of South Australia

không phải ở châu Âu, mà chính là ở châu Á – TBD, do vậy người có thể bảo hộ cho an ninh của Australia không phải là Anh nữa mà chỉ có thể là Mỹ. Năm 1944, Australia đã thuyết phục được (không phải là quá dễ dàng) Mỹ đồng ý ký hiệp ước ANZUS (Australia – Newzealand – US Treaty) - thực chất là hiệp ước bảo hộ của Mỹ về an ninh phòng thủ cho hai quốc gia Nam Thái bình dương này. Phải thừa nhận rằng, trong lịch sử đối ngoại của Australia, đây được coi là một bước tiến hóa lớn, trước hết và căn bản là nhận thức hợp lý về việc lợi ích an ninh quốc gia phải gắn liền với vị trí địa lý thực tế, giải thoát quốc gia này ra khỏi tình cảm và tư duy phòng thủ gắn chặt với “mẫu quốc” Anh. Điều này có ảnh hưởng đến nhận thức của Australia về châu Á nói chung, trong đó có Việt Nam như đã phân tích. Song, việc lựa chọn Mỹ là trụ cột cho chính sách an ninh – phòng thủ quốc gia, một mặt, được coi là bước ngoặt đi lên trong tiến trình tìm kiếm một nền ngoại giao độc lập - thoát ra khỏi ràng buộc với Anh, thì đồng thời, đây cũng chỉ là “*một nửa bước ngoặt lịch sử của Australia. Nó chỉ là một nửa vì chúng ta thay thế người bảo hộ này bằng một người bảo hộ khác*”⁶. Hệ quả của bước ngoặt mang cả ý nghĩa tiến hóa lẫn tiếp tục sự phụ thuộc này chính là việc Australia đã quyết định tham gia vào chiến tranh Việt Nam theo đường lối, tư duy của học thuyết Domino. Phải sau gần một thập niên tham chiến và nhất là sau khi rút ra những bài học từ cuộc chiến tranh này mới diễn ra một bước

tiến lớn nữa trong hành trình tìm kiếm sự độc lập trong đường lối và chính sách đối ngoại của Australia, diễn ra vào đầu thập niên 70. Cùng với việc nhận thức lại tính chất của quan hệ đồng minh với Mỹ - là đồng minh không có nghĩa là công cụ phục vụ cho lợi ích của Mỹ, Australia cũng đồng thời nhận thức lại về những lợi ích của mình ở khu vực châu Á: bao gồm những lợi ích thật sự nào và phải được phát triển ra sao? Ngay trong khi tiến hành rút quân đội về nước, chính phủ Australia đã tiến hành việc thiết lập quan hệ ngoại giao với những nước là cựu thù như CHDCND Trung Hoa, CHDC Đức và Việt Nam DCCCH (tháng 2/1973). Quan hệ của Australia với châu Á và Việt Nam từ “sau Việt Nam” đã thực sự có một bước ngoặt lớn tiếp theo bước ngoặt của thời kỳ chiến tranh châu Á – TBD. Riêng đối với Việt Nam, dù chính sách của Australia vài thập niên sau đó còn trải qua nhiều thăng trầm, thử thách, thậm chí gián đoạn – thời kỳ chịu tác động của “Vấn đề Campuchia”, song, về cơ bản, đó là chính sách thể hiện cách tiếp cận đúng đắn của Australia về lợi ích quốc gia của mình trong khu vực, thể hiện sự độc lập tự chủ trong đường lối đối ngoại của Australia, thể hiện tư tưởng đúng đắn, phù hợp với thời đại là cùng tồn tại hòa bình giữa các quốc gia có chế độ xã hội khác biệt, thậm chí đối lập nhau.

Những thay đổi sâu sắc từ môi trường quốc tế, khu vực và từ Việt Nam

Các bước ngoặt sâu sắc phản ánh quá trình tiến hóa trong chính sách Việt Nam của Australia, một mặt, là sản phẩm trực tiếp có tính chủ động trong việc hoạch định/điều chỉnh/ triển khai chính sách và hoạt động đối

⁶ Evans Gareth – Bruce Grant, 1992, *Australia's foreign relations in the World of the 1990s*, Melbourne University Press.

ngoại của Australia, song mặt khác, không tách rời khỏi những thay đổi, chuyển biến của cảnh quan, môi trường quốc tế và khu vực, cũng như còn phải phụ thuộc vào “nhân tố” đối tác – là Việt Nam. Như đã biết, bối cảnh và cục diện quốc tế/khu vực có tác động rất quan trọng đối với sự hình thành và vận động của các quan hệ quốc tế. Có thể hình dung tác nhân có vai trò của một loại “động năng” khách quan thúc đẩy quá trình tiến hóa chính sách Việt Nam của Australia như sau:

1) Sự chuyển biến từ nhận thức mơ hồ, xa lạ đến chính sách thù địch và can thiệp quân sự: bước ngoặt này diễn ra vào những năm đầu thập niên 60, thế kỷ XX. Bối cảnh chính của tình hình quốc tế giai đoạn này là sự gia tăng căng thẳng, xung đột trong quan hệ Đông - Tây, trước hết là đối đầu Xô – Mỹ diễn ra gần như ngay khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai. Song, như đã phân tích, dù là quốc gia đứng ở cùng chiến tuyến với Mỹ và các nước tư bản khác trong cuộc chiến mang nặng tính đối đầu ý thức hệ này, Australia vẫn hầu như không quan tâm đến Đông Dương/ Việt Nam dù cho sự kiện Điện Biên Phủ năm 1954 gây chấn động và rung chuyển toàn bộ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Tuy nhiên, Việt Nam sau đó đã trở thành một tiêu điểm của Chiến tranh lạnh, nơi diễn ra cuộc “đụng đầu lịch sử” của cuộc chiến ý thức hệ này. Vào đỉnh điểm của “chiến lược ngăn chặn” chủ nghĩa cộng sản do Mỹ cầm đầu trên thế giới và ở khu vực châu Á, Australia bắt đầu cảm thấy nguy cơ bị tổn thương gần hơn bao giờ hết trong thế trận domino giữa Mỹ và các nước tư bản với chủ nghĩa cộng sản ở châu Á. Chính tư duy bị ràng buộc bởi sự đối đầu ý thức hệ trong bối cảnh Chiến tranh lạnh cùng với nỗi sợ hãi cổ hủ của Australia trước những người

châu Á láng giềng nhưng xa lạ và bị (Australia) nghi kỵ đã là nguyên nhân đích thực của trạng thái can thiệp quân sự của Australia ở Việt Nam. Chính sách của Australia đối với Việt Nam đã được bắt đầu trong bối cảnh như thế.

2) Chính sách cùng tồn tại hòa bình từ đầu thập niên 70 trở đi: Trước hết, không thể bỏ qua sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ theo tư tưởng của Học thuyết Nixon trên phạm vi thế giới nói chung và đặc biệt là tác động đối với cảnh quan, cục diện Chiến tranh lạnh ở khu vực châu Á – TBD. Việc bình thường hóa quan hệ Trung – Mỹ, việc ký kết Hiệp định Paris về chiến tranh Việt Nam là những sự kiện lớn có ý nghĩa định dạng lại các chính sách, quan hệ quốc tế có tính chiến lược, đặc biệt là ở khu vực châu Á; Việc suy yếu, kiệt lực của cả Mỹ và Liên xô trong cuộc chạy đua vũ trang đã giúp các nước khác rút dần khoảng cách trong tương quan về sức mạnh kinh tế, đặc biệt là các nền kinh tế Đông Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài loan, Hong Kong..) và Đông Nam Á, đưa châu Á – TBD dần trở thành một khu vực năng động và tăng trưởng bậc nhất thế giới; Sự ra đời và hoạt động của tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á – ASEAN đã dần thể hiện một xu thế mới tích cực và tiến bộ trong khu vực với đường lối hòa bình, trung lập, tôn trọng độc lập và chủ quyền lãnh thổ, cùng hợp tác để phát triển kinh tế...đều là những nhân tố có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với Australia. Cuối cùng, phải kể đến vai trò của “nhân tố” Việt Nam với ý nghĩa như là một nhân tố có tính khách quan tác động đến sự thay đổi nhận thức của Australia về châu

Á/Đông Nam Á/Việt Nam gắn với lợi ích quốc gia của mình. Những trải nghiệm từ chiến tranh Việt Nam đã cho Mỹ và đồng minh thấy rõ một điều: không sức mạnh bom đạn vật chất nào bẻ gãy được quyết tâm giữ vững nền độc lập của dân tộc nhỏ bé này. Việt Nam rõ ràng không phải là một “con rối” trong tay Trung Quốc để thực hiện chiến lược mở rộng phạm vi của chủ nghĩa cộng sản ra khắp châu Á – TBD, đến tận Australia – cái nhận thức sai lầm mà theo đó, Australia đã rất tích cực ủng hộ/cùng với Mỹ đưa quân vào Việt Nam. Có thể nói, *chiến thắng về vang của nhân dân Việt Nam* trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kéo dài hai mươi năm gian khổ, khốc liệt nhưng vô cùng anh dũng mới chính là một nhân tố buộc Mỹ và các đồng minh phải chấp nhận thua cuộc và rút lui về nước. Đây là sự thực của lịch sử, là nguyên nhân của nguyên nhân giải thích việc Hiệp định Paris(1973) được ký kết đưa đến một đất nước Việt Nam sạch bóng quân xâm lược. Những bài học thiết thực được rút ra từ chiến tranh Việt Nam – trong đó chắc chắn phải có bài học nhận thức về lòng dũng cảm vô song và ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập tự do của dân tộc Việt Nam có tầm quan trọng đối với nhận thức của Australia không chỉ về Việt Nam mà còn có ý nghĩa đối với sự điều chỉnh lớn trong chính sách châu Á của quốc gia này.

3) Toàn cầu hóa, khu vực hóa và chiến lược “Hội nhập châu Á toàn diện” của Australia: Xu thế phát triển kinh tế và liên kết/hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế trở thành chủ đạo và tất yếu đối với mọi quốc gia từ sau Chiến tranh lạnh. Điều này chắc chắn là một nhân tố có vai trò động lực đối với việc hình thành và triển khai chiến lược phát triển của mọi quốc gia trên thế giới - đặc biệt

là trong lĩnh vực đối ngoại mà Australia không phải ngoại lệ. Song, nhận thức cũng như tiến trình/cách thức vận động theo xu thế này là “muôn hình vạn trạng” giữa các quốc gia trên thế giới. Trường hợp của Australia lại càng đặc biệt khi đứng trước những ngã đường mở ra trước xu thế hội nhập và liên kết của thời đại. Quốc gia này, do những đặc thù lịch sử của nó, vấp phải sự khó xử, phân vân trong việc định hình rõ rệt bản sắc quốc gia của mình như là cơ sở quan trọng đầu tiên để xác định chính sách hội nhập khu vực – được coi là một dạng thứ cấp của tiến trình toàn cầu hóa. Vấn đề đặt ra là, suy cho cùng, Australia thuộc về châu Á hay khu vực nào khác, khi mà, nhận thức có tính cố hữu của họ đã/vẫn xem mình là quốc gia châu Âu nằm ở châu Á, cái tư duy đã đưa đến nghịch lý dai dẳng về sự “lưỡng phân về bản sắc” quốc gia và dân tộc và để lại bao hệ/hậu quả tai hại cho Australia trong quan hệ với châu Á mà Việt Nam là một bài học điển hình. Tuy nhiên, bối cảnh thời đại toàn cầu hóa – khu vực hóa đã buộc Australia phải có sự lựa chọn, nếu không muốn sẽ trở thành một “gã lẻ loi” (the odd man) trong khung cảnh đang diễn ra nhộn nhịp các hoạt động liên kết kinh tế trên khắp thế giới và ngay tại khu vực châu Á – TBD. Chiến lược Hội nhập châu Á toàn diện và khẩu hiệu “Trở thành một quốc gia châu Á – TBD thực thụ” của Australia đã ra đời trong sự thúc đẩy của những nhân tố khách quan từ môi trường quốc tế và khu vực trong thời đại toàn cầu hóa trong hơn hai thập niên qua. Chiến lược và khẩu hiệu hành động trên cho thấy sự chọn lựa dứt khoát, đúng đắn của dân chúng/quốc gia này

trước câu hỏi “Australia là ai?” đã đeo bám lịch sử đất nước gần trăm năm. Như đã phân tích, chính sách của Australia đối với Việt Nam từ sau Chiến tranh lạnh chính là được hình thành trong bối cảnh quốc gia này đã có sự lựa chọn dứt khoát để định hình vị trí, vai trò của mình là một thành viên thực thụ, tích cực của khu vực. Hơn thế nữa, Đông Nam Á/ Việt Nam còn được xác định là tiêu điểm cho chiến lược Hội nhập châu Á toàn diện, là “đá thử vàng” cho sự đúng đắn và khả năng thành công của chiến lược lớn này bởi vị trí đặc biệt quan trọng của khu vực đối với tổng thể lợi ích quốc gia của Australia trong bối cảnh hiện nay. Mặt khác, cũng không thể không đề cập đến những chuyển biến sâu sắc trong đường lối và chính sách đối ngoại của phía Việt Nam từ sau Đổi mới

(1986), đã tạo sự thuận lợi lớn cho việc Australia triển khai các chiến lược mới ở châu Á/ Đông Nam Á/ Việt Nam của mình.

Tóm lại, chặng đường 60 năm qua kể từ khi Australia quan tâm và hình thành chính sách đối với Việt Nam cho thấy chính sách này được Australia duy trì sự liên tục và thúc đẩy phát triển không ngừng, dù không phải luôn đúng đắn, phù hợp ở mọi giai đoạn. Song, cho đến ngày nay, chính sách Việt Nam của Australia cho thấy được dựa trên nhận thức ngày càng đúng đắn và hoàn chỉnh, đã và đang được triển khai hiệu quả và xác định được hướng đi phù hợp, đầy triển vọng tốt đẹp trong tương lai.

EVOLUTION OF AUSTRALIAN POLICY TO VIETNAM

Do Thi Hanh

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT: *The relationship between Vietnam and Australia more and more obviously reveals the beneficiality stemming from the demands and capabilities of the two countries. Both positioned in the valley of the Pacific Ocean, the potential and growth of their relationship remains strong in a world of increasingly global and regional reunion and linkage.*

Optimizing the beneficiality and most effectively exploiting the potential of both countries in their relationship depend on many factors among which total scientific acknowledgement and appreciation of historical process of the relationship are extremely necessary.

When does it originate the Australian policy to Vietnam? Which historical epics has it undergone? What is its evolutionary process? And the like? The answers to these questions are the main contents of this paper. The Vietnamese policy to Australia must be set up on the foundation of proper appreciation of this country's policy to Vietnam and of total perception on the position of Vietnam

toward it, on Vietnam's benefits and exploiting methods in the relationship with this biggest country in Southern Pacific Ocean, etc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Evans Gareth – Bruce Grant, *Australia's foreign relations in the World of the 1990s*, Melbourne University Press, (1992).
- [2]. Evan, Gareth, *Indochina and foreign policy*, The Footscray Institute of Technology, Melbourne, The Monthly Record August, (1989).
- [3]. Whitlam E.Gough, *Australia and Asia*, The Flinders University of South Australia, (1979).
- [4]. *Vietnam: Recent statements of Australian policy*, Issued under the Authority of the Minister for External Affairs, Paul Hasluck, 11/1965.